

Bản án số: 04/2025/ HNGĐ - ST

Ngày 9/4/2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH – TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Thu

Bà Lê Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Khánh Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2025/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị P, sinh năm 1985

Bị đơn: Anh Hoàng Văn A, sinh năm 1976

Đều trú tại: Xóm B, Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình;

Tại phiên tòa có mặt chị P, vắng mặt anh A. Anh A có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa chị P trình bày: Chị và anh Hoàng Văn A được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã K ngày 08/9/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, chị luôn cố gắng khắc phục vì mong muốn các con được sống trong gia đình yên ấm. Tuy nhiên, nhiều năm trở lại đây những mâu thuẫn, những bất đồng trong sinh hoạt gia đình tích tụ lâu ngày không cùng nhau tháo gỡ dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng. Chị và anh Hoàng Văn A không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không có hạnh phúc nên tháng 6 năm 2024 chị đã dọn về nhà bố mẹ đẻ tại xóm G, xã K, huyện Y sinh sống và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án nhân dân huyện Yên Khánh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn A.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn A có hai con chung là cháu Hoàng Nam K sinh ngày 05/8/2006 và cháu Hoàng Thị Hà P1 sinh ngày 08/01/2010.

Cháu Hoàng Nam K đã thành niên, tự lập được cuộc sống nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Hà P1 chị. Nếu Tòa án giải quyết cho chị và anh Hoàng Văn A ly hôn, chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu Hoàng Thị Hà P1 đến khi cháu thành niên đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2025 anh Hoàng Văn A trình bày: Anh và chị Bùi Thị P được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y vào ngày 08/9/2005. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng đều là mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống. Anh không hiểu nguyên nhân vì sao tháng 6/2024, chị P xin phép anh ra ngoài để thuê nhà ở riêng, anh cũng nhất trí vì tôn trọng ý kiến của vợ. Cũng từ đó vợ chồng anh sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị Bùi Thị P có đơn xin ly hôn anh; anh không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con.

Về con chung: Anh và chị P có hai con chung là cháu Hoàng Nam K sinh ngày 05/8/2006 và cháu Hoàng Thị Hà P1 sinh ngày 08/01/ 2010. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị P ly hôn anh xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu Hoàng Thị Hà P1, không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con cho anh. Cháu Hoàng Nam K đã thành niên, tự lập được cuộc sống nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị P không có tài sản chung và công nợ chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28/3/2025, anh Hoàng Văn A đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và trình bày: anh đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng với chị P nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung anh giữ nguyên quan điểm như bản khai ngày 20/01/2025.

Tại biên bản xác minh ngày 12/3/2025 Hội phụ nữ xã K cung cấp: Chị Bùi Thị P và anh Hoàng Văn A có đăng ký kết hôn và sinh sống tại xóm B, Đ, xã K. Quá trình chung sống tại địa phương không thấy anh chị to tiếng cãi nhau và cũng không đề nghị địa phương hoà giải mâu thuẫn vợ chồng nên Hội phụ nữ không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng chị P anh A. Hơn một năm nay chị P và hai cháu đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị P tại xóm G xã K, huyện Y sinh sống còn anh Hoàng Văn A vẫn sinh sống tại địa phương. Đến nay chị P có đơn xin ly hôn anh Hoàng Văn A và đề nghị giải quyết con chung, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 17/3/2025, xóm trưởng xóm G, xã K, huyện Y cung cấp: Từ tháng 10/2024 chị P và cháu P1 đã về ở nhà bố mẹ đẻ tại xóm G, xã K, huyện Y. Quá trình chị P và con về địa phương sinh sống, có một lần anh A đến vợ chồng có xảy ra tranh cãi, to tiếng; khi lãnh đạo xóm đến giải quyết thì anh Hoàng Văn A bỏ về, từ đó đến nay không thấy anh A đến ở chung cùng chị P. Nay chị Bùi Thị P có đơn xin ly hôn anh Hoàng Văn A và xin được trực tiếp

nuôi cháu Hà P1, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho cháu P1.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, có mặt đầy đủ để làm việc và trình bày quan điểm của mình. Bị đơn quá trình giải quyết vụ án không chấp hành pháp luật, không có mặt khi Toà án báo gọi đến làm việc, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị P được ly hôn với anh Hoàng Văn A.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Hà P1, sinh ngày 08/01/2010 cho chị Bùi Thị P trực tiếp chăm sóc giáo dục đến khi cháu Hà Phương thành N. Anh Hoàng Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị P. Cháu Hoàng Nam K sinh ngày 05/8/2006 đã đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị P và anh A không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị Bùi Thị P phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn và bị đơn đều có cư trú tại xóm B Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh thụ lý giải quyết vụ án là đúng qui định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa anh Hoàng Văn A vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn A là phù hợp với Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị P và anh Hoàng Văn A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã K ngày 08/9/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị P anh A sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị luôn bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung; gần đây anh A thay đổi về giới tính không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị P đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, anh chị không tìm

được tiếng nói chung, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Tháng 6 năm 2024 chị và con đã dọn về nhà bố mẹ đẻ tại xóm G, xã K, huyện Y sinh sống và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn A. Quá trình giải quyết vụ án thời gian đầu anh Hoàng Văn A cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống nên anh không đồng ý ly hôn với chị P. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh A xác định anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm với chị P nhưng không có kết quả, đến nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị P không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh cũng đồng ý đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bùi Thị P và anh Hoàng Văn A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị P và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà xử cho chị Bùi Thị P được ly hôn với anh Hoàng Văn A là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị P và anh Hoàng Văn A có 02 con chung là cháu Hoàng Nam K sinh ngày 05/8/2006 và cháu Hoàng Thị Hà P1 sinh ngày 08/01/2010. Cháu Hoàng Nam K đã đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống chị P và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cháu Hoàng Thị Hà P1 sinh ngày 08/01/2010 chưa thành niên đến nay cả chị P và anh A đều có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hà P1 và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy cả chị P và anh A đều có đủ điều kiện để chăm sóc con chung nên khi quyết định giao cháu Hà P1 cho chị P hay anh A trực tiếp chăm sóc cần xem xét đến điều kiện để chăm sóc tốt nhất cho cháu. Hiện nay cháu Hà P1 đang do chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu Hà P1 cũng mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Hơn nữa cháu Hà P1 là con gái, đang ở độ tuổi phát triển về tâm sinh lý và giới tính nên rất cần sự chăm sóc, giáo dục của mẹ. Để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển bình thường của cháu, hạn chế thấp nhất đến việc xáo trộn về tâm sinh lý của cháu Hà P1 khi bố mẹ ly hôn nên thấy có căn cứ chấp nhận đề nghị của chị Bùi Thị P, giao cháu Hoàng Thị Hà P1, sinh ngày 8/01/2010 cho chị Bùi Thị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu thành niên đủ 18 tuổi anh Hoàng Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Chị Bùi Thị P và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc anh Hoàng Văn A thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Hoàng Văn A không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Bùi Thị P và anh Hoàng Văn A không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Chị P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 – Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị P, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị P được ly hôn anh Hoàng Văn A.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Hà P1, sinh ngày 8/01/2010 cho chị Bùi Thị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu Hoàng Thị Hà P1 thành niên đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Bùi Thị P.

Chị Bùi Thị P và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc anh Hoàng Văn A thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Hoàng Văn A không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí: Chị Bùi Thị P phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001742 ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Bùi Thị P có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Văn A vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THA DS huyện Yên Khánh .
- UBND xã Khánh Cường.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Thu Lê Thu P2

Nguyễn Thị H

